



CÔNG TY CỔ PHẦN THANH BÌNH PHÚ MỸ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Phước Hòa, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
ĐT: 0254.3936.838 Fax: 02543.936.839 Email: environment@phumy3sip.com Website: www.phumy3sip.com

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC
CỦA TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHUYÊN SÂU PHÚ MỸ 3
THÁNG 02 NĂM 2025**

Stt	Ngày	Giá trị trung bình pH	Giá trị trung bình Nhiệt độ (°C)	Giá trị trung bình TSS (mg/l)	Giá trị trung bình COD (mg/l)	Giá trị trung bình Amoni (mg/l)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu vào (m ³ /ngày)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu ra (m ³ /ngày)
1	01/02/2025	7,16	29,76	8,60	22,01	0,10	3.425	3.175
2	02/02/2025	7,55	30,24	5,17	22,10	0,15	3.408	2.367
3	03/02/2025	7,37	30,53	2,10	22,24	0,22	4.592	4.409
4	04/02/2025	7,09	30,89	5,34	22,31	0,38	5.461	8.551
5	05/02/2025	7,01	31,15	4,86	19,87	0,40	5.561	10.819
6	06/02/2025	6,86	31,70	6,54	16,36	0,24	5.081	10.374
7	07/02/2025	6,59	32,30	6,50	16,30	0,15	5.062	9.462
8	08/02/2025	6,67	32,04	11,49	19,14	0,20	4.856	5.279
9	09/02/2025	6,59	31,64	8,85	19,72	0,20	3.680	6.276
10	10/02/2025	7,26	31,66	2,06	16,79	0,18	5.188	6.576
11	11/02/2025	7,27	31,79	5,72	13,28	0,28	5.262	10.969
12	12/02/2025	7,18	32,25	9,91	13,64	0,30	5.109	11.574
13	13/02/2025	7,11	32,56	6,82	13,32	0,29	5.369	11.920
14	14/02/2025	6,99	32,55	13,32	12,41	0,63	5.058	5.497
15	15/02/2025	7,02	32,24	9,31	18,71	1,47	4.785	5.279
16	16/02/2025	7,06	32,27	5,58	25,83	1,36	3.915	6.923
17	17/02/2025	7,24	32,31	7,80	21,76	0,26	4.959	8.245
18	18/02/2025	7,31	32,32	5,60	19,40	0,19	4.931	10.840
19	19/02/2025	7,18	32,52	6,31	22,03	0,17	5.065	10.424
20	20/02/2025	7,24	32,95	6,48	19,06	0,16	5.201	10.746
21	21/02/2025	7,07	32,63	13,67	20,70	0,25	5.211	6.538
22	22/02/2025	7,04	32,14	7,16	19,30	0,55	5.013	5.602
23	23/02/2025	7,06	32,09	6,83	18,71	0,65	4.134	7.498
24	24/02/2025	7,30	31,68	12,14	19,47	0,64	4.859	8.114
25	25/02/2025	7,53	31,84	13,18	15,48	0,58	5.032	10.964
26	26/02/2025	7,45	32,35	7,46	13,22	0,60	4.944	11.735
27	27/02/2025	7,51	32,64	6,99	14,54	0,76	5.265	10.931
28	28/02/2025	7,59	32,76	8,83	16,55	0,58	5.333	11.067
Giá trị trung bình ngày		7,15	31,92 (°C)	7,67 (mg/l)	18,37 (mg/l)	0,43 (mg/l)	4.849 (m ³ /ngày)	8.291 (m ³ /ngày)
QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K ₁ = K _T = 0,9. (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)		6 - 9	40 (°C)	40,5 (mg/l)	60,75 (mg/l)	4,05 (mg/l)	-	-

(Signature)